

CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 12 tháng 3 năm 2008

đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 – 6
Báo cáo Kiểm toán	7 - 8
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	9 – 12
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 12 tháng 3 năm 2008. Bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn), lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

CÔNG TY

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 05/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ "V/v thí điểm loại hình tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con tại Công ty Đầu tư phát triển - Xây dựng".

Công ty được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng "V/v Tổ chức lại Công ty Đầu tư phát triển - Xây dựng (DIC) thành Công ty mẹ trong mô hình thí điểm Công ty mẹ - Công ty con";

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Nhà nước số: 103782, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 18 tháng 6 năm 2003, đăng ký lại lần thứ 01 ngày 29 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Công ty đã được Bộ Xây dựng cho phép cổ phần hoá theo quyết định số: 55/QĐ-BXD ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Bộ Xây dựng "V/v Thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng". Quyết định số 1094/QĐ-BXD ngày 14 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng "Về giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá Công ty mẹ - Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp).

- Tên công ty bằng tiếng Việt: **Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng.**
- Tên giao dịch quốc tế: **Development Investment Construction Corporation.**
- Tên viết tắt: **DIC Corp.**
- Trụ sở chính: số 265 đường Lê Hồng Phong, TP Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại: 064 859248, 839671; Fax: 064 859518 - 560712
- E-mail: vanphongdic@vnn.vn; Website: www.dic.vn

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
A/ CÁC CÔNG TY CON HỢP NHẤT			
1/ Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Minh Hưng <i>Được đổi tên từ Công ty CP DIC Vật liệu Xây dựng từ tháng 10/2006</i>	KP7, đường Võ Thị Sáu, Long Toàn, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng	85,55%
2/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Tuynel Long Hương. <i>Được tách ra từ xí nghiệp Tuynel Long Hương trực thuộc công ty mẹ từ tháng 10/2007</i>	Km61, Quốc lộ 51, P.Kim Dinh, Thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói xây dựng và các SP gạch lát nền; san lấp mặt bằng; KD khai thác & vận chuyển đất cát để san lấp mặt bằng	69,50%

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
3/ Công ty CP Du lịch và thương mại DIC <i>Được cổ phần hoá Công ty DIC Du lịch từ tháng 7/2007</i>	169 đường Thùy Vân, P2, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh khách sạn, du lịch; Vận chuyển hành khách du lịch đường bộ; Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành trong nước và nước ngoài ...	55,06%
4/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng số 1 <i>Được đổi tên từ Công ty DIC Xây dựng từ tháng 5/2007</i>	Số 265 Lê Hồng Phong, phường 8, Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đầu tư kinh doanh phát triển các khu đô thị và khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới; Sửa chữa xe máy, thiết bị thi công và phương tiện vận tải.	52,00%
5/ Công ty CP DIC XD Cửu Long	Tầng 2, tòa nhà DIC Group, lô 17, khu công nghiệp Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Đầu tư phát triển khu đô thị, khu công nghiệp; Thi công xây lắp; KD dịch vụ nhà đất, khách sạn, du lịch	51,00%

(*) Báo cáo tài chính của các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 không được lập cùng ngày với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - tại ngày 12-03-2008. Trong giai đoạn từ ngày 1/1/2008 đến ngày 12/3/2008 Công ty không thực hiện xác định và điều chỉnh các sự kiện và giao dịch trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007.

B/ CÔNG TY CON KHÔNG HỢP NHẤT

1/ Công ty CP ĐTPTXD Khoáng Sản Miền Trung (Do Công ty mới thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23/01/2008)	Lô số 6, đường Hai Bà Trưng, Thị xã Hội An, Quảng Nam	Khảo sát, thăm dò, chế biến khoáng sản phi kim loại làm vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản.....	51,00%
--	---	--	--------

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
-------------	---------	---------------------	-------------------

A. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

1/ Công ty CP DIC thương mại Việt Đức	Số 02 Thùy Vân, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu.	Sản xuất bia tươi, kinh doanh bãi biển, kinh doanh nhà hàng	48,00%
2/ Công ty CP TVTK sáng tạo không gian DIC	Số 07 đường Trần Quốc Thảo, P6, Q3, TP. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh tư vấn xây dựng, dịch vụ, xây dựng	45,00%
3/ Công ty CP Bất động sản Đại Phước DIC	71 Sương Nguyệt Ánh, P.Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	KD nhà, môi giới bất động sản, DV nhà đất, quản lý BĐS, tư vấn đầu tư, xây dựng	45,00%

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
4/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng số 2 <i>Trở thành công ty liên kết từ tháng 10/2007</i>	Số 5 đường số 6, Khu Đô thị Chí Linh, P. Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.	Đầu tư xây dựng, sản xuất và kinh doanh vật liệu, KD bất động sản	41,00%
5/ Công ty CP Xi măng DIC Bình Dương	Áp 1, xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất kinh doanh xi măng, san lấp mặt bằng, gia công chế tạo lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện	36,68%
6/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Bê Tông <i>Trở thành công ty liên kết từ tháng 8/2007</i>	số 169, Thuỳ Vân, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm, Kinh doanh và sửa chữa thiết bị, xe máy thi công xây dựng, đầu tư xây dựng	36,00%
7/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hội An	25 Hùng Vương, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam.	Đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu XD, khai thác chế biến khoáng sản, KD khách sạn du lịch	30,00%
8/ Công ty CP Đầu tư và thương mại DIC	14 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp	21,00%
9/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng số 4 <i>Trở thành công ty liên kết từ tháng 9/2007</i>	số 4, đường số 6, Khu Trung tâm đô thị Chí Linh, TP. Vũng Tàu.	Đầu tư xây dựng, sản xuất và thương mại	20,00%

B. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ẢNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KHÔNG ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

1/ Công ty CP Đầu tư Phát triển Phương Nam <i>Thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 06/09/2007, tại ngày 12/3/2008 công ty không lập báo cáo tài chính)</i>	Số 233 Lê Hồng Phong, phường 8, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn, quán rượu, bia, quầy bar; kinh doanh dịch vụ ăn uống; mua bán đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn	41,00%
--	--	---	--------

- Ngành, nghề kinh doanh:
 - Đầu tư xây dựng và dịch vụ đầu tư xây dựng khách sạn, nhà ở, các công trình phục vụ du lịch; Kinh doanh nhà; Kinh doanh du lịch;
 - Kinh doanh vật tư vật liệu xây dựng; Xuất nhập khẩu trực tiếp vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ cho xây dựng; Thi công xây lắp các công trình vừa và nhỏ; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình phục vụ nông lâm, công trình công cộng; Xây dựng nhà ở; San lấp mặt bằng; Thi công lắp đặt và sửa chữa cơ điện lạnh;
 - Kinh doanh xe gắn máy và hàng hoá tiêu dùng; Thi công xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng: đường bộ, hệ thống cấp thoát nước, cầu cống (quy mô nhỏ); Xây

dựng và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng cho các công trình công cộng; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Đại lý và kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh nông sản;
- Kinh doanh khai thác và vận chuyển đất cát để san lấp mặt bằng cho các công trình dân dụng, công nghiệp và nền đường;
- Kinh doanh khách sạn, cho thuê phòng trọ, ăn uống, giải khát và vui chơi giải trí, rượu, bia và thuốc lá;
- Xây dựng nhà ở để bán, cho thuê và chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với kết cấu hạ tầng đã được xây dựng trên diện tích đất xây dựng nhà ở thuộc các dự án mà công ty được giao làm chủ đầu tư xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Dịch vụ phục vụ vui chơi tại bãi biển (cho thuê dù che, ghế, phao tắm, phòng tắm nước ngọt), cho thuê đồ dùng thể thao phục vụ vui chơi giải trí các môn thể thao trên biển; Kinh doanh dịch vụ nhiếp ảnh;
- Thi công xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông quốc lộ, tỉnh lộ, đường trong các khu công nghiệp và khu đô thị, đường giao thông nông thôn; Thi công xây dựng hệ thống cấp thoát nước, các công trình thủy lợi; Thi công xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Khảo sát, thiết kế công trình dân dụng, lập hồ sơ mời thầu, giám sát xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng (đường giao thông, cấp thoát nước);
- Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu kim loại đen, kim loại màu, kính xây dựng (Sản phẩm sắt, nhôm kính xây dựng);
- Sản xuất và kinh doanh xi măng, các loại sản phẩm bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; Bảo dưỡng, sửa chữa các loại xe máy, thiết bị máy xây dựng; Thi công xây dựng các công trình nhà cao tầng;
- Nạo vét luồng lạch giao thông thủy; Chế tạo lắp đặt các kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm, các thiết bị kỹ thuật cơ điện công trình; Tư vấn, thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng bao gồm: lập dự án đầu tư, khảo sát đo đạc, tư vấn quản lý dự án, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xe máy thi công, dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghiệp khác; Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh dịch vụ nhà đất; Kinh doanh xe máy, thiết bị thi công, vận tải hàng hóa, sửa chữa xe máy, thiết bị thi công và phương tiện vận tải, dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghiệp;
-

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty đã được Bộ Xây dựng cho phép cổ phần hoá theo quyết định số: 55/QĐ-BXD ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Bộ Xây dựng "V/v Thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng". Quyết định số 1094/QĐ-BXD ngày 14 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng "Về giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá Công ty mẹ - Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp). Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000520 đăng ký lần đầu ngày 13-3-2008, công ty Cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông NGUYỄN THIÊN TUẤN	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2003
Ông TRẦN MINH PHÚ	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2003
Ông ĐỖ DOÃN CHIẾN	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2003
Ông PHẠM NGỌC ÁNH	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2003
Ông LÊ MINH TUẤN	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2004

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 12 tháng 3 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Vũng Tàu, ngày 11 tháng 09 năm 2008

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THIÊN TUẤN

Số: /08/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất của
Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng
cho năm tài chính kết thúc ngày 12-3-2008

Kính gửi: **Ban Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 12-3-2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên được lập ngày 17-4-2008 của Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng từ trang 9 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi của cuộc kiểm toán

- Trong năm tài chính, kỳ kế toán của công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết không cùng thời điểm: Công ty mẹ kết thúc ngày 12-3-2008; Các công ty con, công ty liên kết kết thúc ngày 31-12-2007. Công ty không thực hiện điều chỉnh các sự kiện và giao dịch trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do sự khác nhau về thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết trên. Và chúng tôi cũng không có điều kiện để kiểm tra có các sự kiện và giao dịch trọng yếu ở các công ty con trong giai đoạn từ ngày 01-01-2008 đến ngày 12-03-2008 ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của công ty kết thúc ngày 12-03-2008.

- Báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Tuynel Long Hương chưa được kiểm toán. Các báo cáo tài chính của các công ty con còn lại được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với tổng tài sản của công ty con là 377.672.888.567 đồng và tổng lỗ của công ty con là (17.299.342.524) đồng. Do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của báo cáo tài chính của các công ty con và công ty liên kết đến báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 12/03/2008.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 12 tháng 3 năm 2008

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số Cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.805.835.793.728	989.951.862.085
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		556.445.241.531	29.546.045.042
1. Tiền	111	V.01	556.445.241.531	29.546.045.042
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		222.141.296.883	187.029.944.956
1. Phải thu khách hàng	131		117.140.209.281	133.032.232.570
2. Trả trước cho người bán	132		72.316.656.946	29.391.255.720
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	32.688.312.656	25.730.724.744
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(3.882.000)	(1.124.268.078)
IV. Hàng tồn kho	140		999.828.740.417	758.687.039.720
1. Hàng tồn kho	141	V.04	999.828.740.417	758.687.039.720
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.420.514.897	14.688.832.367
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.052.689.139	2.624.983.306
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.507.743.849	873.674.069
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	200.510.012	51.945.472
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	11.659.571.897	11.138.229.520
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		513.084.935.279	318.497.823.156
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 12 tháng 3 năm 2008

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số Cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		235.409.078.527	256.126.787.060
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	196.555.849.588	220.452.085.279
- Nguyên giá	222		270.475.388.703	297.398.037.683
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(73.919.539.115)	(76.945.952.404)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	3.850.423.295	4.457.238.725
- Nguyên giá	225		5.620.301.644	5.620.301.644
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.769.878.349)	(1.163.062.919)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	23.172.602.873	20.113.723.373
- Nguyên giá	228		23.378.063.000	20.149.029.901
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(205.460.127)	(35.306.528)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	11.830.202.771	11.103.739.683
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		202.640.465.088	52.797.093.697
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.440.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	105.837.831.154	32.561.500.106
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	92.362.633.934	20.235.593.591
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán D.hạn (*)	259			
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		75.035.391.664	9.573.942.399
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	74.362.355.012	9.224.793.988
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	278		673.036.652	349.148.411
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.318.920.729.007	1.308.449.685.241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 12 tháng 3 năm 2008

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số	
			Cuối kỳ	đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.887.708.589.847	1.137.468.076.405
I. Nợ ngắn hạn	310		1.488.510.510.938	466.869.820.880
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	54.630.945.691	117.742.718.306
2. Phải trả người bán	312		46.485.532.226	81.666.138.855
3. Người mua trả tiền trước	313		1.102.349.961.135	114.489.360.481
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.728.723.352	20.288.251.244
5. Phải trả người lao động	315		7.023.496.444	9.850.461.434
6. Chi phí phải trả	316	V.17	20.931.823.701	43.409.172.872
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch H.đồng XD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	248.360.028.389	79.423.717.688
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		399.198.078.909	670.598.255.525
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		41.411.399.998	288.750.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	357.624.662.143	666.208.210.459
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		162.016.768	4.101.295.066
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		384.676.524.489	158.280.429.702
I. Vốn chủ sở hữu	410		377.718.336.489	151.450.510.767
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	370.000.000.000	131.217.999.580
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			1.132.749.562
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			3.279.034.550
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	14.203.723.862
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			8.005.326.979
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.718.336.489	(6.388.323.766)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			

Mẫu số: B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2007 (từ ngày 01-01-2007 đến ngày 12-3-2008)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, CC dịch vụ và doanh thu khác	01	1.239.411.136.943	394.847.475.942
2. Tiền chi trả cho người CC hàng hóa và dịch vụ	02	(492.351.450.017)	(435.972.148.740)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.729.016.519)	(36.011.874.056)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(18.305.869.833)	(18.327.302.882)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(10.463.403.964)	(12.493.704)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	519.714.224.286	67.816.545.536
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(207.520.431.000)	(99.751.164.658)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	999.755.189.896	(127.410.962.562)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TS DH khác	21	(6.691.510.509)	(853.414.070)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS DH khác	22	4.922.552.981	22.144.357
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(101.982.672.069)	(19.347.907.746)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.107.847.357	19.023.802
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(100.643.782.240)	(20.160.153.657)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	636.500.000	1.892.910.000
2. Tiền chi trả vốn cho CSH, mua lại CP đã phát hành	32		(3.079.026.882)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	658.997.231.019	252.369.466.554
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.031.621.468.990)	(162.190.850.165)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.500.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(372.010.237.971)	88.992.499.507
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	527.101.169.685	(58.578.616.712)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.546.045.042	88.123.849.390
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61	(201.973.196)	812.364
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	556.445.241.531	29.546.045.042

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2008

Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 12 tháng 3 năm 2008

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

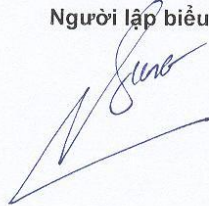
NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số Cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.958.188.000	6.829.918.935
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.958.188.000	6.829.918.935
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	440		46.535.614.671	12.701.179.134
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		2.318.920.729.007	1.308.449.685.241

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

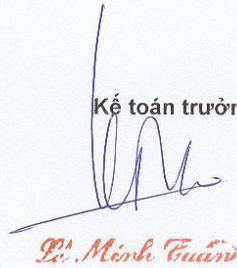
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
		Số Cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn

Lập ngày 17 tháng 03 năm 2008

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thiện Tuấn

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

Mẫu số: B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2007 (từ ngày 01-01-2007 đến ngày 12-3-2008)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	383.908.470.983	462.210.408.336
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.26	40.188.709.578	6.689.814.083
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	10	VI.27	343.719.761.405	455.520.594.253
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	276.350.087.055	391.303.489.606
5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ	20		67.369.674.350	64.217.104.647
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	28.749.294.687	25.378.324.459
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	15.581.207.981	23.940.286.760
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.243.525.007	21.552.764.925
8. Chi phí bán hàng	24		29.935.626.643	11.093.469.728
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.219.399.546	23.276.677.517
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.382.734.867	31.284.995.101
11. Thu nhập khác	31		14.640.067.720	4.943.507.359
12. Chi phí khác	32		13.966.833.799	5.150.332.028
13. Lợi nhuận khác	40		673.233.921	(206.824.669)
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, LD			1.146.656.354	(133.841.318)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.202.625.142	30.944.329.114
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	10.949.751.681	13.960.737.793
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.252.873.461	16.983.591.321
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	70		(237.656.476)	2.531.309.178
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	80		12.490.529.937	14.452.282.143

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đã lập, ngày 17 tháng 04 năm 2008

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu số: B 03-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007 (từ ngày 01-01-2007 đến ngày 12-3-2008)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng (Công ty) hoạt động theo Luật doanh nghiệp Nhà nước. Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 05/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ "V/v thí điểm loại hình tổ chức và hoạt động theo mô hình Công mẹ - Công ty con tại Công ty Đầu tư phát triển - Xây dựng";

Công ty thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng "V/v Tổ chức lại Công ty Đầu tư phát triển - Xây dựng (DIC) thành Công ty mẹ trong mô hình thí điểm Công ty mẹ - Công ty con";

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Nhà nước số: 103782, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 18 tháng 6 năm 2003, đăng ký lại lần thứ 01 ngày 29 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

- Tên công ty bằng tiếng Việt: **Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng.**
- Tên giao dịch quốc tế: **Development Investment Construction Corporation.**
- Tên viết tắt: **DIC Corp.**
- Trụ sở chính: số 265 đường Lê Hồng Phong, TP Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại: 064 859248, 839671; Fax: 064 859518 - 560712
- E-mail: vanphongdic@vnn.vn; Website: www.dic.vn

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
A/ CÁC CÔNG TY CON HỢP NHẤT			
1/ Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Minh Hưng <i>Được đổi tên từ Công ty CP DIC Vật liệu Xây dựng từ tháng 10/2006</i>	KP7, đường Võ Thị Sáu, Long Toàn, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng	85,55%
2/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Tuynel Long Hương. <i>Được tách ra từ xí nghiệp Tuynel Long Hương trực thuộc công ty mẹ từ tháng 10/2007</i>	Km61, Quốc lộ 51, P.Kim Dinh, Thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói xây dựng và các SP gạch lát nền; san lấp mặt bằng; KD khai thác & vận chuyển đất cát để san lấp mặt bằng	69,50%

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
3/ Công ty CP Du lịch và thương mại DIC <i>Được cổ phần hoá Công ty DIC Du lịch từ tháng 7/2007</i>	169 đường Thùy Vân, P2, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh khách sạn, du lịch; Vận chuyển hành khách du lịch đường bộ; Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành trong nước và nước ngoài ...	55,06%
4/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng số 1 <i>Được đổi tên từ Công ty DIC Xây dựng từ tháng 5/2007</i>	Số 265 Lê Hồng Phong, phường 8, Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đầu tư kinh doanh phát triển các khu đô thị và khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới; Sửa chữa xe máy, thiết bị thi công và phương tiện vận tải.	52,00%
5/ Công ty CP DIC XD Cửu Long	Tầng 2, tòa nhà DIC Group, lô 17, khu công nghiệp Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Đầu tư phát triển khu đô thị, khu công nghiệp; Thi công xây lắp; KD dịch vụ nhà đất, khách sạn, du lịch	51,00%

(*) Báo cáo tài chính của các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 không được lập cùng ngày với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - tại ngày 12-03-2008. Trong giai đoạn từ ngày 1/1/2008 đến ngày 12/3/2008 Công ty không thực hiện xác định và điều chỉnh các sự kiện và giao dịch trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007.

B/ CÔNG TY CON KHÔNG HỢP NHẤT

1/ Công ty CP ĐTPTXD Khoáng Sản Miền Trung (Do Công ty mới thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23/01/2008)	Lô số 6, đường Hai Bà Trưng, Thị xã Hội An, Quảng Nam	Khảo sát, thăm dò, chế biến khoáng sản phi kim loại làm vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản.....	51,00%
--	---	--	--------

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
-------------	---------	---------------------	-------------------

A. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ẢNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

1/ Công ty CP DIC thương mại Việt Đức	Số 02 Thùy Vân, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu.	Sản xuất bia tươi, kinh doanh bãi biển, kinh doanh nhà hàng	48,00%
2/ Công ty CP TVTK sáng tạo không gian DIC	Số 07 đường Trần Quốc Thảo, P6, Q3, TP. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh tư vấn xây dựng, dịch vụ, xây dựng	45,00%
3/ Công ty CP Bất động sản Đại Phước DIC	71 Sương Nguyệt Ánh, P.Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	KD nhà, môi giới bất động sản, DV nhà đất, quản lý BĐS, tư vấn đầu tư, xây dựng	45,00%

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
4/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng số 2 <i>Trở thành công ty liên kết từ tháng 10/2007</i>	Số 5 đường số 6, Khu Đô thị Chí Linh, P. Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.	Đầu tư xây dựng, sản xuất và kinh doanh vật liệu, KD bất động sản	41,00%
5/ Công ty CP Xi măng DIC Bình Dương	Ấp 1, xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất kinh doanh xi măng, san lấp mặt bằng, gia công chế tạo lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện	36,68%
6/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Bê Tông <i>Trở thành công ty liên kết từ tháng 8/2007</i>	số 169, Thùy Vân, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm, Kinh doanh và sửa chữa thiết bị, xe máy thi công xây dựng, đầu tư xây dựng	36,00%
7/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hội An	25 Hùng Vương, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam.	Đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu XD, khai thác chế biến khoáng sản, KD khách sạn du lịch	30,00%
8/ Công ty CP Đầu tư và thương mại DIC	14 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp	21,00%
9/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng số 4 <i>Trở thành công ty liên kết từ tháng 9/2007</i>	số 4, đường số 6, Khu Trung tâm đô thị Chí Linh, TP. Vũng Tàu.	Đầu tư xây dựng, sản xuất và thương mại	20,00%

B. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KHÔNG ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

1/ Công ty CP Đầu tư Phát triển Phương Nam <i>Thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 06/09/2007, tại ngày 12/3/2008 công ty không lập báo cáo tài chính)</i>	Số 233 Lê Hồng Phong, phường 8, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn, quán rượu, bia, quầy bar; kinh doanh dịch vụ ăn uống; mua bán đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn	41,00%
--	--	---	--------

(*) Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 không được lập cùng ngày với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - tại ngày 12-03-2008, Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 12/3/2008 Công ty không thực hiện xác định và điều chỉnh các sự kiện và giao dịch trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007.

2- Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư, xây lắp, dịch vụ du lịch, dịch vụ dầu khí, thương mại, xuất khẩu lao động.

3- Ngành nghề kinh doanh

- o Đầu tư xây dựng và dịch vụ đầu tư xây dựng khách sạn, nhà ở, các công trình phục vụ du lịch; Kinh doanh nhà; Kinh doanh du lịch;

- Kinh doanh vật tư vật liệu xây dựng; Xuất nhập khẩu trực tiếp vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ cho xây dựng; Thi công xây lắp các công trình vừa và nhỏ; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình phục vụ nông lâm, công trình công cộng; Xây dựng nhà ở; San lấp mặt bằng; Thi công lắp đặt và sửa chữa cơ điện lạnh;
- Kinh doanh xe gắn máy và hàng hoá tiêu dùng; Thi công xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng: đường bộ, hệ thống cấp thoát nước, cầu công (quy mô nhỏ); Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng cho các công trình công cộng; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đại lý và kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh nông sản;
- Kinh doanh khai thác và vận chuyển đất cát để san lấp mặt bằng cho các công trình dân dụng, công nghiệp và nền đường;
- Kinh doanh khách sạn, cho thuê phòng trọ, ăn uống, giải khát và vui chơi giải trí, rượu, bia và thuốc lá;
- Xây dựng nhà ở để bán, cho thuê và chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với kết cấu hạ tầng đã được xây dựng trên diện tích đất xây dựng nhà ở thuộc các dự án mà công ty được giao làm chủ đầu tư xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Dịch vụ phục vụ vui chơi tại bãi biển (cho thuê dù che, ghế, phao tắm, phòng tắm nước ngọt), cho thuê đồ dùng thể thao phục vụ vui chơi giải trí các môn thể thao trên biển; Kinh doanh dịch vụ nhiếp ảnh;
- Thi công xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông quốc lộ, tỉnh lộ, đường trong các khu công nghiệp và khu đô thị, đường giao thông nông thôn; Thi công xây dựng hệ thống cấp thoát nước, các công trình thủy lợi; Thi công xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Khảo sát, thiết kế công trình dân dụng, lập hồ sơ mời thầu, giám sát xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng (đường giao thông, cấp thoát nước);
- Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu kim loại đen, kim loại màu, kính xây dựng (Sản phẩm sắt, nhôm kính xây dựng);
- Sản xuất và kinh doanh xi măng, các loại sản phẩm bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; Bảo dưỡng, sửa chữa các loại xe máy, thiết bị máy xây dựng; Thi công xây dựng các công trình nhà cao tầng;
- Nạo vét luồng lạch giao thông thủy; Chế tạo lắp đặt các kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm, các thiết bị kỹ thuật cơ điện công trình; Tư vấn, thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng bao gồm: lập dự án đầu tư, khảo sát đo đạc, tư vấn quản lý dự án, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xe máy thi công, dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghiệp khác; Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh dịch vụ nhà đất; Kinh doanh xe máy, thiết bị thi công, vận tải hàng hóa, sửa chữa xe máy, thiết bị thi công và phương tiện vận tải, dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghiệp;
-

II- CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Kỳ kế toán:

Do Công ty được chuyển đổi từ Công ty 100% vốn nhà nước thành công ty Cổ phần do đó Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2007 và kết thúc vào ngày 12/03/2008 (Ngày liền kề ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần). Các công ty con và công ty liên kết niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2007 và kết thúc ngày 31/12/2007.

2- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2- **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3- **Hình thức kế toán áp dụng:** Tập đoàn áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2- Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm Cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm Cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

6- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

7- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9- Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng..

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13- Cổ phiếu quỹ:

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14- Cổ tức:

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15- Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu đồng xây dựng:

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo: Giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành, khối lượng xây lắp được chủ đầu tư xác nhận, nghiệm thu làm căn cứ ghi nhận doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

18- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Đơn vị tính là: đồng Việt Nam, trừ các trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1- Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	4.067.968.829	3.040.381.212
- Tiền gửi ngân hàng	552.242.786.826	26.495.242.255
- Tiền đang chuyển	134.485.876	10.421.575
Cộng	556.445.241.531	29.546.045.042

03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu về cổ phần hoá	25.712.536.105	219.351.127
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		76.449.339
- Phải thu người lao động	78.488.639	
- Phải thu khác	6.897.287.912	25.434.924.278
Cộng	32.688.312.656	25.730.724.744
04- Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	10.340.255.665	8.500.401.313
- Công cụ, dụng cụ	320.978.252	434.227.581
- Chi phí SX, KD dở dang	973.845.650.603	701.341.132.243
- Thành phẩm	6.455.033.524	6.480.310.777
- Hàng hóa	7.889.588.444	41.034.022.253
- Hàng gửi đi bán	977.233.929	896.945.553
Cộng giá gốc hàng tồn kho	999.828.740.417	758.687.039.720
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	999.828.740.417	758.687.039.720
05.1- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	12.493.705	2.019.000
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước:	188.016.307	49.926.472
Cộng	200.510.012	51.945.472
05.2- Tài sản ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý	796.153.999	975.252.750
- Tạm ứng	10.396.417.898	10.051.976.770
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	467.000.000	111.000.000
Cộng	11.659.571.897	11.138.229.520

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ HH						
<i>Số dư đầu năm</i>	139.719.561.152	81.594.111.561	53.669.500.023	9.622.943.745	12.791.921.202	297.398.037.683
- Mua trong năm		958.358.678	4.473.975.986	958.841.217	108.402.950	6.499.578.831
- Đầu tư XD hoàn thành	12.680.788.643	20.092.111.573	597.711.134		7.133.991.577	40.504.602.927
- Tăng do điều chỉnh nhóm						
- Tăng khác	1.861.029.378	5.271.398.560	648.048.825	212.387.250	108.800.000	8.101.664.013
- Thanh lý, nhượng bán		(2.036.687.890)	(10.673.586.815)	(277.021.597)		(12.987.296.302)
- Giảm do điều chỉnh nhóm						
- Giảm khác	(11.207.998.194)	(31.907.105.416)	(13.162.206.655)	(5.268.558.096)	(7.495.330.088)	(69.041.198.449)
<i>Số dư cuối năm</i>	143.053.380.979	73.972.187.066	35.553.442.498	5.248.592.519	12.647.785.641	270.475.388.703
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	14.461.461.836	31.623.862.386	23.087.838.372	5.278.148.499	2.494.641.311	76.945.952.404
- Khấu hao trong năm	4.126.070.925	10.913.353.831	3.249.001.889	841.163.724	1.407.653.403	20.537.243.772
- Tăng khác	1.798.922.061	6.805.724.376	1.350.784.408	32.224.312	935.425.379	10.923.080.536
- Thanh lý, nhượng bán	(599.447.407)	(6.735.650.451)	(901.737.226)	415.118.817	(799.963.551)	(8.621.679.818)
- Giảm do điều chỉnh nhóm	(82.948.318)	(1.719.517.659)	(8.218.600.122)	(75.540.757)	(22.238.941)	(10.118.845.797)
- Giảm khác	(926.103.183)	(5.289.443.630)	(5.565.015.969)	(3.807.085.404)	(158.563.796)	(15.746.211.982)
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	18.777.955.914	35.598.328.853	13.002.271.352	2.684.029.191	3.856.953.805	73.919.539.115
Giá trị còn lại TSCĐ						
- Tại ngày đầu năm	125.258.099.316	49.970.249.175	30.581.661.651	4.344.795.246	10.297.279.891	220.452.085.279
- Tại ngày Cuối kỳ	124.275.425.065	38.373.858.213	22.551.171.146	2.564.563.328	8.790.831.836	196.555.849.588

09- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC			
Số dư đầu năm	5.620.301.644		5.620.301.644
- Thuê tài chính trong năm			
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính			
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính			
Số dư Cuối kỳ	5.620.301.644		5.620.301.644
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.163.062.919		1.163.062.919
- Khấu hao trong năm	606.815.430		606.815.430
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính			
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính			
Số dư Cuối kỳ	1.769.878.349		1.769.878.349
Giá trị còn lại TSCĐ thuê TC			
- Tại ngày đầu năm	4.457.238.725		4.457.238.725
- Tại ngày Cuối kỳ	3.850.423.295		3.850.423.295

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế kinh doanh	Phần mềm máy tính	Thương hiệu thương mại	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	10.093.388.901	9.000.000.000	160.641.000	895.000.000	20.149.029.901
- Mua trong năm	5.264.747.000				5.264.747.000
- Tặng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	(1.230.713.901)		(105.000.000)	(700.000.000)	(2.035.713.901)
Số dư Cuối kỳ	14.127.422.000	9.000.000.000	55.641.000	195.000.000	23.378.063.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.790.691		11.015.837	19.500.000	35.306.528
- Khấu hao trong năm	21.341.188	98.684.211	11.128.200	39.000.000	170.153.599
- Tặng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư Cuối kỳ	26.131.879	98.684.211	22.144.037	58.500.000	205.460.127
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	10.088.598.210	9.000.000.000	149.625.163	875.500.000	20.113.723.373
- Tại ngày Cuối kỳ	14.101.290.121	8.901.315.789	33.496.963	136.500.000	23.172.602.873

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	Cuối kỳ	Đầu năm
Tổng chi phí XD CB dở dang	11.830.202.771	11.103.739.683
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Mô sét Mỹ Xuân	6.797.477.973	6.315.297.618
+ Văn phòng BQL Dự án Đại Phước tại Nhơn Trạch		2.456.553.926
+ Mô đá Grandnit	2.425.816.558	1.076.096.563
+ DA Siêu thị COOPMART, TT Chí Linh	117.273.750	
+ Khu DV Seaview 4 - TT Chí Linh	39.612.000	
+ CP cải tạo, sửa chữa quầy bar SV	697.776.166	
+ Máy Server LENOVO-IBM X3200	28.150.476	
+ ...		
Cộng	11.830.202.771	11.103.739.683
13.a- Đầu tư dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty con	4.440.000.000	
+ Công ty CP ĐTPTXD Khoáng sản Miền Trung	4.440.000.000	
- Đầu tư vào công ty liên kết	82.394.831.154	32.561.500.106
+ Công ty cổ phần DIC Đồng Tiến		2.877.500.176
+ Công ty cổ phần DIC Việt Đức	116.980.794	917.912.820
+ Công ty CP Đầu tư & TM DIC	26.982.243.204	11.856.302.406
+ Công ty CP Xi măng Bình Dương	6.855.251.730	7.061.563.204
+ Công ty CP tư vấn thiết kế sáng tạo không gian DIC	742.896.916	685.517.481
+ Công ty DIC Hội An	8.034.458.312	4.041.902.669
+ Công ty CP bất động sản Đại Phước DIC	4.883.624.803	2.119.833.244
+ Công ty TNHH DIC Thanh Bình		150.000.000
+ Công ty CP DIC số 4	5.952.637.041	2.850.968.106
+ Công ty CP DIC số 2	6.165.909.356	
+ Công ty CP DIC Bê Tông	9.365.142.802	
+ Công ty CP ĐTPT DIC Phương Nam	13.295.686.197	
- Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	23.443.000.000	
+ Dự án khu dân cư xã Hiệp Phước-Nhơn Trạch	7.283.000.000	
+ Quỹ đầu tư CP Anpha Capital (ACE)	8.080.000.000	
+ Quỹ đầu tư BĐS Anpha Capital (ACP)	8.080.000.000	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		
- Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	105.837.831.154	32.561.500.106
Cộng	105.837.831.154	32.561.500.106

13.b- Đầu tư dài hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	89.924.324.769	17.905.050.200
+ Cổ phiếu Công ty CP xi măng FICO Tây Ninh	45.174.324.769	17.602.050.200
+ Cổ phiếu Công ty CPĐTPTXD Thanh Bình	1.000.000.000	
+ Cổ phiếu Công ty CP ĐT KCN & Đô thị - IDICO	300.000.000	
+ Cổ phiếu Công ty CP ĐTXD ĐT VN (Vina UIC)	3.000.000.000	
+ Cổ phiếu Công ty CP Tài chính Sông Đà	24.000.000.000	
+ Cổ phiếu Công ty CP Chứng khoán standard (SS)	5.250.000.000	
+ Cổ phiếu Công ty CP Dic Đồng Tiến	2.500.000.000	
+ Cổ phiếu Công ty CP ĐTPT XD Du lịch Thể Thao VT	8.700.000.000	
+ Cổ phiếu Công ty CP DIC Minh Hưng (DIC Bê tông ĐT)		303.000.000
- Đầu tư trái phiếu	2.438.309.165	2.179.043.391
+ Trái phiếu Chính phủ	43.002.215	40.202.191
+ Trái phiếu Ngân hàng NN&PTNT Đồng Nai	2.245.000.000	2.000.000.000
+ Công trái Giáo dục	150.306.950	138.841.200
- Đầu tư dài hạn khác		151.500.000
Cộng	92.362.633.934	20.235.593.591
14- Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Lợi thế thương mại DIC, khi XĐ GTDN	65.771.562.468	
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	8.590.792.544	8.224.714.090
- Lợi thế thương mại, thương hiệu		415.220.901
- Sửa chữa lớn TSCĐ		584.858.997
Cộng	74.362.355.012	9.224.793.988
15.a- Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	54.630.945.691	117.742.718.306
+ Công ty mẹ	100.000.000	26.896.623.277
Ngân hàng Đầu tư & PT tỉnh BR-VT		10.000.000.000
Ngân hàng Ngoại thương CN Vũng Tàu		1.797.977.332
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Đồng Nai		10.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & PT TP Hà Nội		4.998.645.945
Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh		
Các khoản vay đối tượng khác (cá nhân)	100.000.000	100.000.000

15.a- Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
+ Công ty CP ĐTPPT XD số 1	45.142.705.203	63.410.501.517
Ngân hàng Đầu tư & PT tỉnh BR-VT	26.414.951.728	29.449.108.505
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Đồng Nai	11.485.753.475	33.961.393.012
+ Công ty CP Du lịch và thương mại DIC	7.080.483.743	7.429.282.965
Ngân hàng TMCP Hàng hải, VN Vũng Tàu	1.618.857.260	436.762.800
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Đồng Nai		1.499.664.800
Ngân hàng Đầu tư & PT tỉnh BR-VT	5.211.626.483	5.492.855.365
Hà Ngọc Trà My	250.000.000	
+ Công ty CP ĐTPPT XD Minh Hưng	8.639.398.374	8.740.952.176
Ngân hàng Đầu tư & PT tỉnh BR-VT	7.999.756.745	8.101.310.547
+ Công ty CP DIC XD Cửu Long		50.000.000
Đặng Thanh Loan		50.000.000
+ Công ty CP ĐTPPT XD Tuynel Long Hương	1.550.000.000	
Ngân hàng Ngoại thương CN Vũng Tàu	1.550.000.000	
+ Công ty CP DIC số 2		6.855.000.000
Ngân hàng Đầu tư & phát triển tỉnh BR -VT		4.670.000.000
Ngân hàng Ngoại thương CN Vũng Tàu		1.985.000.000
Vay cá nhân		200.000.000
+ Công ty CP DIC Bê tông		5.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và PT tỉnh BRVT		4.000.000.000
Công ty Tài chính Dầu Khí		1.000.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả		
Cộng	54.630.945.691	117.742.718.306

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	3.205.078.979	5.889.214.340
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	107.559	18.801.945
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.851.444.600	14.098.858.343
- Thuế thu nhập cá nhân	510.665.607	62.760.734
- Thuế tài nguyên		88.685.287
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	22.864.595	28.648.595
- Các loại thuế khác	7.725.912	
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	130.836.100	101.282.000
Cộng	8.728.723.352	20.288.251.244

17- Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí xây dựng trung tâm Chí Linh	14.675.072.286	9.523.720.413
- Chi phí xây dựng chung cư 18 tầng A9	5.451.448.367	30.644.242.943
- Chi phí kiểm toán BCTC	109.090.909	59.090.909
- Chi phí các công trình do đã ghi nhận doanh thu		2.911.673.526
- Chi phí bảo trì chung cư 18 tầng A9	645.247.440	
- Khác	50.964.699	270.445.081
Cộng	20.931.823.701	43.409.172.872
18- Các khoản phải trả, phải nộp khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	100.355.778	804.156.949
- Kinh phí công đoàn	429.285.360	538.923.458
- Bảo hiểm xã hội	832.944.689	966.643.847
- Bảo hiểm y tế	220.807.814	124.828.753
- Phải trả về cổ phần hoá	171.341.393.975	2.501.805.015
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Cổ tức phải trả		1.920.000.000
- Doanh thu chưa thực hiện	251.598.117	590.132.727
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.183.642.656	71.977.226.939
Cộng	248.360.028.389	79.423.717.688
20- Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
a - Vay dài hạn	354.466.442.832	662.665.943.696
- Vay ngân hàng	348.442.689.857	614.232.689.529
+ Công ty mẹ	334.227.947.752	589.099.437.851
<i>Ngân hàng Đầu tư & PT tỉnh BR-VT</i>	<i>25.740.000.000</i>	<i>33.552.366.440</i>
<i>Ngân hàng Công thương tỉnh BR-VT</i>	<i>4.673.716.000</i>	<i>7.255.000.000</i>
<i>Ngân hàng Ngoại thương CN TP Vũng Tàu</i>	<i>18.737.572.854</i>	<i>21.326.864.854</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Đồng Nai</i>	<i>152.654.579.102</i>	<i>240.366.622.912</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Nhơn Trạch, ĐN</i>	<i>92.000.000.000</i>	<i>137.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Phát Triển Việt Nam CN BR-VT</i>	<i>40.422.079.796</i>	<i>149.598.583.645</i>
+ Công ty CP ĐTPT XD số 1		1.843.413.400
<i>Ngân hàng Đầu tư & PT tỉnh BR-VT</i>		<i>1.843.413.400</i>

20- Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
+ Công ty CP Du lịch và thương mại DIC	4.750.000.000	5.350.000.000
Ngân hàng Đầu tư & PT CN Vũng Tàu	4.750.000.000	4.480.000.000
Ngân hàng NN & PTNT CN Vũng Tàu		870.000.000
+ Công ty CP ĐTPT XD Minh Hưng	814.497.391	3.257.983.564
Ngân hàng Ngoại thương CN Vũng Tàu	814.500.391	3.257.983.564
+ Công ty CP DIC XD Cửu Long	8.650.244.714	10.224.854.714
Ngân hàng ĐTPT tỉnh Long An	8.650.244.714	10.224.854.714
+ Công ty CP DIC Bê tông		4.457.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Đồng Nai		4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương CN Vũng Tàu		457.000.000
- Vay đối tượng khác	6.023.752.975	48.433.254.167
Trái phiếu chính phủ		40.000.000.000
Công ty tài chính Dầu khí, CN Vũng Tàu	6.023.752.975	8.433.254.167
- Trái phiếu phát hành		
b – Nợ dài hạn	6.023.752.975	48.433.254.167
- Thuê tài chính	3.158.219.311	3.542.266.763
Cty Cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN&PTNT VN	3.158.219.311	3.542.266.763
- Nợ dài hạn khác		
Cộng	357.624.662.143	666.208.210.459

Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng
số 265 đường Lê Hồng Phong, TP Vũng Tàu

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 12-3-2008



22- Vốn chủ sở hữu

Khoản mục

A	1				
	2	3	4	5	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	92.017.890.818		9.009.576.971	6.549.972.994	(9.770.434.094)
- Tăng vốn trong năm trước	84.156.079.938	1.132.749.562			
- Lãi trong năm trước	2.682.745.316		5.750.650.361	1.581.919.444	16.983.591.321
- Nhượng thương hiệu DIC	730.000.000				
- Tăng trong năm trước	64.429.264.998		17.064.705	8.532.353	
- Giảm trong năm trước	(112.152.464.001)		(573.568.175)	(135.097.812)	(13.601.480.993)
Số dư cuối năm trước	131.217.999.580	1.132.749.562	14.203.723.862	8.005.326.979	(6.388.323.766)
Số dư đầu năm nay	131.217.999.580	1.132.749.562	14.203.723.862	8.005.326.979	(6.388.323.766)
- Tăng vốn trong năm nay	51.370.611.924				
- Lãi trong năm nay	8.480.829.144		11.810.057.254	2.674.051.903	12.252.873.461
- Tăng vốn Cty CP DIC Corp	206.128.756.216				
- Tăng trong năm nay	109.059.423.087		477.753.117	125.269.112	1.853.786.794
- Giảm trong năm nay	(136.257.619.951)	(1.132.749.562)	(26.491.534.233)	(10.804.647.994)	
Số dư Cuối kỳ nay	370.000.000.000				7.718.336.489

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	103.181.763.166	149.816.498.078
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	129.191.881.211	145.272.658.114
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.660.652.314	33.620.359.470
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	106.874.174.292	133.500.892.674
- Doanh thu khác		
Cộng	383.908.470.983	462.210.408.336
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	349.707	13.130.998
- Giảm giá hàng bán	58.614.198	102.625.651
- Hàng bán bị trả lại	40.092.107.183	6.499.482.979
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.638.490	74.574.455
Cộng	40.188.709.578	6.689.814.083
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
<i>Trong đó:</i> + Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa		
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
Cộng	343.719.761.405	455.520.594.253
28- Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	75.447.850.125	128.421.150.107
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	120.485.938.930	135.179.782.986
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.143.133.319	28.596.624.307
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	53.273.164.681	99.008.866.364
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	276.350.087.055	391.303.489.606

29- Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.029.017.557	13.301.448.287
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	260.179.774	15.318.533
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.389.302.000	328.328.567
- Lãi bán ngoại tệ		7.868.143.523
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	4.750.039.524	53.085
- Lãi bán hàng trả chậm	312.064.413	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.691.419	3.865.032.464
Cộng	28.749.294.687	25.378.324.459

30 - Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	15.243.525.007	21.552.764.925
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	106.418.106	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	191.942.032	
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Chi phí tài chính khác	39.322.836	2.387.521.835
Cộng	15.581.207.981	23.940.286.760

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.949.751.681	13.960.737.793
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.949.751.681	13.960.737.793

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng hoá bán ra	8.354.406.027	131.881.332.627
- Chi phí kinh doanh bất động sản	53.273.164.681	99.008.866.364
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	64.230.455.724	171.400.587.653
- Chi phí nhân công	35.727.522.924	53.572.393.973
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.355.528.675	22.432.480.142
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	256.575.542.687	270.078.661.346
- Chi phí khác bằng tiền	96.639.978.263	113.488.087.892
Cộng	528.156.598.981	861.862.409.997

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

2- Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

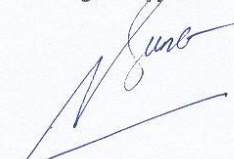
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết	Nội dung nghiệp vụ	SỐ TIỀN
Công ty DIC Du Lịch	Công ty con	100 %	Mua sản phẩm, D.vụ	2.071.507.832
Công ty DIC Xây dựng	Công ty con	100 %	Mua sản phẩm, D.vụ	49.861.155.985
Công ty CP DIC XD Cửu Long	Công ty con	51 %	Mua sản phẩm, D.vụ	19.032.051.217
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng số 2 (DIC số 2)	Công ty con	51 %	Góp vốn	1.762.500.000
Công ty CP DIC TM Việt Đức	Công ty liên kết	48 %	Mua sản phẩm, D.vụ	46.334.545
Công ty CP Tư vấn Thiết kế	Công ty liên kết	45 %	Góp vốn	50.000.000
Sáng tạo không gian DIC			Mua sản phẩm, D.vụ	467.684.872
Công ty CP Bất động sản Đại Phước DIC	Công ty liên kết	45 %	Góp vốn	2.244.719.000
Công ty CP DIC Bình Dương	Công ty liên kết	29,34%	Góp vốn	1.589.340.396
Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng số 4	Công ty liên kết	31,00%	Góp vốn	1.616.000.000
Công ty CP DIC Đồng Tiến	Công ty liên kết	25,00%	Mua sản phẩm, D.vụ	31.465.619.749
				8.506.777.166

Đơn vị tính: VND

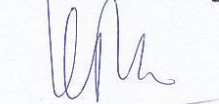
Đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết	Nội dung nghiệp vụ	Khoản phải thu (Phải trả)
Công ty DIC Du Lịch	Công ty con	100 %	Mua sản phẩm, D.vụ	130.439.360
Công ty DIC Xây dựng	Công ty con	100 %	Mua sản phẩm, D.vụ	(7.847.447.800)
Công ty DIC Vật liệu Xây dựng	Công ty con	100 %	Mua sản phẩm, D.vụ	(841.793.000)
Công ty CP DIC XD Cửu Long	Công ty con	51 %	Mua sản phẩm, D.vụ	(2.682.098.261)
Công ty CP Tư vấn Thiết kế	Công ty liên kết	45 %	Mua sản phẩm, D.vụ	(71.703.795)
Sáng tạo không gian DIC			Góp vốn	
Công ty CP ĐTPTXD số 4	Công ty liên kết	31,00%	Mua sản phẩm, D.vụ	19.729.469.058
Công ty CP DIC Đồng Tiến	Công ty liên kết	25,00%	Mua nguyên vật liệu	(1.965.747.604)

Người lập biểu


Lê Thanh Hùng

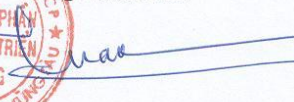
Kế toán trưởng


Lê Minh Tuấn

Lập ngày 17 tháng 04 năm 2008

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thiện Thuận